

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số:3967 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 27 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Xây dựng tuyến đường ven biển, đoạn qua đèo Lộ Diêu
(Hạng mục: chuyển mục đích sử dụng rừng đối với 2,84 ha rừng phòng hộ)
của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3341/STNMT-CCBVMT ngày 05/10/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xây dựng tuyến đường ven biển, đoạn qua đèo Lộ Diêu của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xây dựng tuyến đường ven biển, đoạn qua đèo Lộ Diêu (Hạng mục: chuyển mục đích sử dụng rừng đối với 2,84 ha rừng phòng hộ) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 794/BQL-KTTĐ ngày 20/10/2023 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1287/TTr-STNMT ngày 26/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Xây dựng tuyến đường ven biển, đoạn qua đèo Lộ Diêu (Hạng mục: chuyển mục đích sử dụng rừng đối với 2,84 ha rừng phòng hộ) (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Hoài Mỹ và xã Hoài Hải, thị xã Hoài

Nhon, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Chủ đầu tư có trách nhiệm xác định cụ thể khối lượng đất đá thừa phát sinh từ quá trình thi công dự án; lưu chứa và quản lý lượng đất đá thừa tại 04 vị trí đã thỏa thuận trên địa bàn xã Hoài Hải, thị xã Hoài Nhơn; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện nghĩa vụ tài chính và các thủ tục pháp lý về đất đai, khoáng sản theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- UBND thị xã Hoài Nhơn;
- UBND xã: Hoài Hải, Hoài Mỹ;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10, K19.

(Chữ ký)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG VEN BIỂN, ĐOẠN QUA
ĐÈO LỘ ĐIỀU (HẠNG MỤC: CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG
ĐỐI VỚI 2,84 HA RỪNG PHÒNG HỘ) CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Xây dựng tuyến đường ven biển, đoạn qua đèo Lộ Điều (Hạng mục: Chuyển mục đích sử dụng rừng đối với 2,84 ha rừng phòng hộ).
- Địa điểm thực hiện: xã Hoài Mỹ và xã Hoài Hải, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định.
- Địa chỉ liên hệ: 200 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô

- Phạm vi:
 - + Chuyển đổi mục đích sử dụng rừng đối với 2,84 ha rừng phòng hộ.
 - + Tuyến đường dài 4,5 km, diện tích sử dụng đất là 164.802 m²:
- Điểm đầu tuyến (Km75+300): giáp đường bê tông xi măng hiện trạng trước tượng đài tưởng niệm di tích nơi cập bến Tàu Không Số Lộ Điều thuộc xã Hoài Mỹ, thị xã Hoài Nhơn.
- Điểm cuối tuyến (Km79+800): giáp đường bê tông xi măng đi vào khu dân cư xã Hoài Hải, thị xã Hoài Nhơn.
- Quy mô: Đầu tư xây dựng tuyến đường dài 4,5 km.
- + Bề rộng nền đường $B = 12,0$ m.
- + Bề rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 11,0$ m.
- + Bề rộng lề đường: $B_{\text{lề đất}} = 0,5 \text{ m} \times 2 = 1,0 \text{ m}$.
- + Kết cấu: bê tông nhựa.
- + Công trình trên tuyến: các cống hộp lớn, cống tròn, rãnh đỉnh.
- Phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm: hạng mục giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; khai thác nguyên vật liệu phục vụ thi công.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính:

- Đầu tư xây dựng tuyến đường với tổng chiều dài 4,5 km, bề rộng nền đường B = 12,0 m, kết cấu đường bê tông nhựa.
- Hệ thống thoát nước:
 - + Toàn tuyến xây dựng 02 cống hộp bằng bê tông cốt thép (BTCT).
 - + Toàn tuyến thiết kế nổi đốt cống hiện trạng và xây dựng mới 27 cống thoát nước bằng BTCT, bê tông li tâm (BTLT) khẩu độ từ D600 - 2D2000.
 - + Rãnh thoát dọc dạng rãnh hình thang.
 - + Rãnh đỉnh: Tại các đoạn đào sâu, bố trí rãnh đỉnh bề rộng từ 0,5 - 1,0m để thu nước lưu vực thoát về các cống ngang.
- Hoàn trả các nương hiện trạng; gia cố mái taluy nền đường trong phạm vi các đoạn nương, mái taluy các đoạn nương bằng hệ khung BTCT và tấm lát BTXM.

- Các hạng mục công trình phụ trợ phục vụ thi công của dự án: 02 bãi chứa nguyên vật liệu, bãi chứa tạm và lán trại có tổng diện tích 3.500 m²; trạm trộn bê tông xi măng diện tích 759 m², 04 bãi chứa đất đá thừa và kè chống sạt lở tại 04 vị trí này.

1.3.2. Các hoạt động của dự án

- Hoạt động thu dọn, phát quang mặt bằng.
- Hoạt động đào đất, nổ mìn phá đá.
- Hoạt động đổ thải đất, đá thừa.
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu.
- Hoạt động lắp đặt công trường thi công và thi công các hạng mục của dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng 2,84 ha rừng phòng hộ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Dự án chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 164.802 m² đất; trong đó, diện tích rừng phòng hộ khoảng 2,84 ha; ảnh hưởng đến môi trường thiên nhiên và sinh kế của người dân.

- Hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp nền đường, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá thừa phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; nguy cơ gây ảnh hưởng đến khả năng thoát nước khu vực phía Tây dự án, nguy cơ sạt lở, sự cố trong quá trình nổ mìn phá đá.

- Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến đường

giai đoạn vận hành phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải và nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông.

- Hoạt động vận hành, bảo trì, duy tu, sửa chữa nhỏ trên tuyến đường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 3,6 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 15 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước thải từ trạm trộn bê tông xi măng phát sinh với lượng khoảng 1.139 m³ trong suốt quá trình thi công.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải trong giai đoạn thi công

Hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục công trình, vận chuyển nguyên vật liệu san lấp, thi công; vận hành máy móc, phương tiện thi công trên công trường,... thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải trong giai đoạn thi công

Hoạt động của phương tiện giao thông trên tuyến phát sinh chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh với khối lượng khoảng 550 m³. Thành phần chủ yếu là thân cây, lá, gốc cây,...

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 1.000 kg/ngày.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 68,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

- Đất thừa, đá thải, xà bần phát sinh với khối lượng khoảng 393.699 m³. Thành phần chủ yếu là đất, đá thừa, xà bần.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 190 kg trong suốt quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là dầu lau nhiễm dầu thải, các loại dầu mỡ thải, pin, ắc quy,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của tiếng ồn và độ rung trong giai đoạn thi công

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động nổ mìn phá đá; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

3.3.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của tiếng ồn và độ rung trong giai đoạn vận hành

Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông trên tuyến phát sinh tiếng ồn có khả năng ảnh hưởng tới một số khu dân cư nằm dọc hai bên tuyến.

3.4. Các tác động khác:

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển; ảnh hưởng đến Khu di tích lịch sử Nơi cập bến Tàu Không Số, xã Hoài Mỹ, thị xã Hoài Nhơn.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác tác động đến sinh kế của người dân và hệ sinh thái khu vực.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động có dung tích 400 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo rãnh thu gom nước mưa chảy tràn trong khu vực thi công tránh gây ngập úng cục bộ.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

a) Đối với xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn thi công

- Thường xuyên phun nước giảm bụi tại các khu vực thi công, tuyến

đường vận chuyển đoạn qua khu dân cư với tần suất 02 lần/ngày.

- Đối với phương tiện vận chuyển: vận chuyển đúng tải trọng cho phép, Vệ sinh trước khi ra khỏi công trường, phủ bạt kín không để rơi vãi đất, cát ra đường.

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu và chất thải rắn công nghiệp thông thường: sử dụng bạt che chắn xung quanh đảm bảo không phát tán bụi ra môi trường.

- Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2 m.

- Hàng ngày, bố trí công nhân quét dọn thu gom đất, cát rơi vãi, vệ sinh dọc theo tuyến đường và tại khu vực thi công.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

b) Đối với xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn vận hành

- Định kỳ bảo dưỡng mặt đường.

- Lắp đặt biển báo hướng dẫn giao thông, quy định tốc độ xe tham gia giao thông tương ứng với cấp đường thiết kế.

- Trồng, chăm sóc các dải cây xanh trên tuyến đường dự án.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Đất, đá thừa từ dự án sẽ vận chuyển lưu chứa tại 03 bãi chứa tạm và 01 bãi thải có bố trí hệ thống thoát nước, kè chống sạt lở đảm bảo.

- + Bãi chứa tạm 01 (tại thôn Kim Giao Nam, xã Hoài Hải): lưu chứa khoảng 119.327,12 m³ đá đào và khoảng 123.440,36 m³ đất thừa.

- + Bãi thải 02 (tại thôn Diêu Quang, xã Hoài Hải): tiếp nhận khoảng 11.872,22 m³ đá nổ mìn và khoảng 59,48 m³ xà bần.

- + Bãi chứa tạm 03 (tại thôn Diêu Quang, xã Hoài Hải): lưu chứa khoảng 103.000 m³ đất thừa.

- + Bãi chứa tạm 04 (tại thôn Kim Giao Thiện, xã Hoài Hải): lưu chứa khoảng 20.000 m³ đất thừa.

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy kín tại lán trại, khu nghỉ ngơi, ăn uống của công nhân.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

- Quy định áp dụng: Điều 58 và Điều 66 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí 02 thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, có nắp đậy, dán nhãn theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải; tập kết tại kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời diện tích khoảng 5m² tại công trường theo đúng quy định. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Quy định áp dụng: Điều 68, Điều 69, Điều 71 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn thi công

- Không sử dụng cùng một thời điểm nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.
- Sử dụng các thiết bị thi công đăng kiểm đảm bảo.
- Các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kì thường xuyên.
- Có phương án bố trí thời điểm nổ mìn, hạn chế người, phương tiện qua lại khu vực nổ mìn.
- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ; không vận hành các thiết bị phát sinh độ ồn cao trong khoảng thời gian từ 11h30 đến 13h30 và từ 18h đến 6h sáng hôm sau.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.3.2. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn vận hành

- Bảo dưỡng thường xuyên chất lượng mặt đường, trồng các dải cây xanh.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất rừng

Tổ chức triển khai thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân luồng giao thông đảm bảo trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ; thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.3 Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.

4.5.5. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố nổ mìn

Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, biện pháp và phương án nổ mìn theo đúng quy định, lập phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố trước khi tiến hành nổ mìn.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của Chủ đầu tư

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí quan trắc:

- + Khu dân cư khu vực điểm đầu dự án tại xã Hoài Mỹ, tọa độ $X = 1.595.623$, $Y = 592.958$.

- + Khu dân cư tại điểm cuối dự án tại xã Hoài Hải, tọa độ $X = 1.598.676$, $Y = 592.951$.

- Thông số quan trắc: bụi, ồn.
- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.
- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

5.2. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại: giám sát về số lượng, thành phần phát sinh, quá trình thu gom, lưu giữ.

5.3. Giám sát khả năng sạt lở:

- Tổ chức giám sát nhằm phát hiện các hiện tượng sạt lở trong quá trình đào đắp, xác định quy mô, mức độ để có biện pháp xử lý kịp thời.
- Vị trí giám sát: Các khu vực đào đắp, khu vực bãi chứa.

5.4. Giám sát khu vực bãi chứa tạm: giám sát trữ lượng, chiều cao đò, thoát nước tại khu vực bãi chứa tạm.